SỞ Y TẾ NGHỆ AN **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TÂY NAM** Số: 1026/QĐ-BVĐKKVTN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Con Cuông, ngày 07 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TÂY NAM NGHỆ AN

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/08/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 của Chính phủ quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017 của Bộ y tế về việc ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 24/2025/TT-BYT ngày 30/06/2025 của Bộ y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 04/2017/tt-byt ngày 14 tháng 4 năm

2017 của bộ trưởng bộ y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 14/06/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc Ban hành Quy định về phân công, phân cấp, quản lý, tổ chức, bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-BVTN của Giám đốc Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An ngày 10/03/2025 về việc phê duyệt dự toán thu, chi từ nguồn thu sự nghiệp năm 2025-2027 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia đấu thầu - Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An tại Tờ trình số 1025/TTr-BVĐKKVTN.TCGĐT ngày 07/10/2026 của Tổ chuyên gia đấu thầu - Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Gói thầu: Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao cho Tổ chuyên gia đấu thầu, Tổ thẩm định đấu thầu - Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Tổ chuyên gia đấu thầu, tổ thẩm định đấu thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TÂY NAM T.NGHỆ AN

Lê Xuân Hồng

Phụ lục 1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm gói thầu: Gói thầu: Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn

(Kèm theo Quyết định số 1026/QĐ-BVĐKKVTN ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An	Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn	Cung ứng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn .Trong đó mỗi mặt hàng là mỗi phần của gói thầu	1.958.969.572	Nguồn thu viện phí, Bảo hiểm và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An năm 2025-2027	Chào giá trực tuyến rút gọn trong nước, qua mạng	30 ngày	Tháng 10 năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	Thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần là 10 tháng kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Không	Không
Tổng giá gói thầu *[kết chuyển sang **Bảng số 5**]*				1.958.969.572 *(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm năm mươi tám triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng)*								

Phụ lục 2. Chi tiết từng phần của gói thầu: Mua sắm một số mặt hàng hóa chất bổ sung lần 4 năm 2026 tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn

(Kèm theo Quyết định số 1026/QĐ-BVĐKKVTN ngày 07 tháng 10năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam Nghệ An)

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
1	HC01	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	Hộp	2	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Alpha-fetoprotein (AFP) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: AFP ở 2 mức nồng độ.	3.020.540	6.041.080
2	HC02	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA125	Hộp	2	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 125 (CA125) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CA125 ở 2 mức nồng độ.	3.648.000	7.296.000
3	HC03	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA15-3	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 15-3 (CA15-3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CA15-3 ở 2 mức nồng độ .	3.775.680	3.775.680

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
4	HC04	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA19-9	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Carbohydrate Antigen 19-9 (CA19-9) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CA19-9 ở 2 mức nồng độ.	3.648.000	3.648.000
5	HC05	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA72-4	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 72-4 (CA72-4) *Quy cách C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: CA 72-4 trong đệm Albumin huyết thanh người (HSA) ở 3 mức nồng độ.	4.703.100	4.703.100
6	HC06	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	Hộp	2	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng carcinoembryonic antigen (CEA) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CEA ở 2 mức nồng độ.	2.898.000	5.796.000
7	HC07	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Procalcitonin	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) *Quy cách: C0:1×1.2 mL/lọ; C1:1×1.0 mL/lọ ; C2:1×1.0 mL/lọ * Thành phần: PCT trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	1.245.000	1.245.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
8	HC08	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total prostate specific antigen (t-PSA) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: PSA trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ.	3.648.000	3.648.000
9	HC09	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	Hộp	1	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: T3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	2.826.996	2.826.996
10	HC10	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β-HCG	Hộp	2	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Total β human chorionic gonadotropin (HCG) *Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: HCG trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	3.144.000	6.288.000
11	HC11	Cuvet cho máy đông máu	Túi	10	Cuvet cho máy đông máu, sử dụng phù hợp cho máy xét nghiệm đông máu đang sử dụng. Túi 2.000 cái	7.742.500	77.425.000
12	HC12	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	4	Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-2000i Quy cách: (126 *24 chiếc)/hộp	14.246.064	56.984.256
13	HC13	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Thùng	6	Dung dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL của Mindray. *Thành phần: Đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản Quy cách: Thùng 10L	3.620.000	21.720.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
14	HC14	Dung dịch rửa máy đông máu	Hộp	12	Dung dịch rửa được sử dụng trong máy phân tích đông máu tự động. Thành phần: Sodium hypochlorite 1,0% (nồng độ clo hoạt tính). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 1x30ml	504.630	6.055.560
15	HC15	Hóa chất kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Hộp	8	Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt Quy cách: 75ml*4/ hộp	6.693.600	53.548.800
16	HC16	Hóa chất kiểm chuẩn (QC) xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hộp	2	Hóa chất kiểm chuẩn (QC) xét nghiệm đông máu mức bất thường sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Được sử dụng như một kiểm soát chất lượng trong các xét nghiệm đông máu. Sử dụng huyết tương chống đông natri citrate để mô phỏng các mẫu huyết tương lâm sàng thông thường trong quá trình phân tích đông máu và trong quá trình xét nghiệm và phân tích đông máu, thay thế các mẫu huyết tương lâm sàng để xét nghiệm. Kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu tương ứng. Thành phần: Sodium citrate anticoagulated plasma. Quy cách: 1x10ml	1.709.400	3.418.800

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
17	HC17	Hóa chất kiểm chuẩn (QC) xét nghiệm đông máu mức bình thường	Hộp	2	Hóa chất kiểm chuẩn (QC) xét nghiệm đông máu mức bình thường sử dụng cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Được sử dụng như một kiểm soát chất lượng trong các xét nghiệm đông máu. Sử dụng huyết tương chống đông natri citrate để mô phỏng các mẫu huyết tương lâm sàng thông thường trong quá trình phân tích đông máu và trong quá trình xét nghiệm và phân tích đông máu, thay thế các mẫu huyết tương lâm sàng để xét nghiệm. Kết quả kiểm tra đáp ứng các yêu cầu tương ứng. Quy cách: 1x10ml	1.709.400	3.418.800
18	HC18	Hóa chất rửa máy huyết học	Hộp	15	Công dụng: được sử dụng như một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh cho máy xét nghiệm huyết học tự động. Bảo bảo ở 1 - 30 độ C, nơi tối, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Quy cách: 1 x50 ml Thành phần: Sodium hypochlorite (có chứa chlorine nồng độ 5%) Tương thích với máy XP-100	3.412.500	51.187.500

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
19	HC19	Hóa chất xét nghiệm APTT trong đông máu (kèm CaCl2)	Hộp	10	Hóa chất dùng để xác định Thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) của huyết tương người. Nguyên lý: Sử dụng chất hoạt hóa là Ellagic acid và brain cephalin (partial thromboplastin) để kích hoạt yếu tố XII và XI của con đường đông máu nội sinh. Dưới sự hiện diện của ion Canxi, fibrinogen chuyển thành fibrin không hòa tan. Máy sẽ đo thời gian đông máu bằng phương pháp đo độ đục quang học. Thành phần: R1: Thuốc thử APTT: Ellagic acid, rabbit brain cephalin; R2: Dung dịch CaCl2: 25mmol/L calcium chloride. Bảo quản ở 2-8°C, tuyệt đối không đông đá. Hạn sử dụng 12 tháng. Sau khi mở nắp, hóa chất cực kỳ ổn định lên tới 30 ngày (ở 2-8°C). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: R1: 2 mL×10, R2: 30 mL×1;	3.224.800	32.248.000
20	HC20	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT trong máu	Hộp	9	Hóa chất dùng trong xét nghiệm GPT trong máu. Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Độ tuyến tính lên đến: 1000 U/L. Bước sóng: 340 nm. Thành phần: Tris buffer (pH 7.5) 110 mmol/L; L-Alanine 600 mmol/L; LDH > 1500 U/L; α-ketoglutarate 16 mmol/L; NADH 0.24 mmol/L Quy cách: 4*100ml + 4*25ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng	1.630.000	14.670.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
21	HC21	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase trong máu	Hộp	11	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng Amylase trong máu. Phương pháp: CNPG3. Độ tuyến tính lên đến: 2000 U/L. Bước sóng: 405 nm Thành phần: MES Buffer (pH6.0) 50mmol/L; CNPG3 2.27 mmol/L; Calcium chloride 60 mmol/L; Sodium chloride 70 mmol/L; Activator 900 mmol/L Quy cách: 4*10ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng	1.206.500	13.271.500
22	HC22	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT trong máu	Hộp	9	Hóa chất dùng trong xét nghiệm GOT trong máu. Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Độ tuyến tính lên đến: 1000 U/L. Bước sóng: 340 nm Thành phần: Tris Buffer (pH 7.8) 88 mmol/L; L-Aspartate 260 mmol/L; LDH >1500 U/L; MDH > 900 U/L; α -ketoglutarate 12 mmol/L; NADH 0.24 mmol/L Quy cách: 4*100ml + 4*25ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng	1.800.000	16.200.000
23	HC23	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol LDL trong máu kèm chất hiệu chuẩn	Hộp	17	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol trong máu Phương pháp: Uricase - PAP. Độ tuyến tính lên đến: 25 mg/dL. Bước sóng: 546/660 nm. Thành phần: 4-Aminoantipyrin 0.5 mmol/l; CHE; CO 1.2 U/mL; Peroxidase; Good's buffer pH 6.3; N,N-bis(4-sulfobutyl)-m-toluidine; disodium salt (DSBmT) 1.0 mmol/l; Good's buffer pH 6.3; Calibrator Quy cách: 2*45ml + 1x30ml + Calibrator 1*3ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng	4.702.500	79.942.500

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
24	HC24	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine trong máu	Hộp	22	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng Creatinine trong máu. Phương pháp: Modified Jaffe's. Độ tuyến tính lên đến: 24 mg/dL. Bước sóng: 491/505 nm Thành phần: Picric Acid 8.73 mmol/L; Surfactant; Sodium hydroxide 300 mmol/L; Sodium Phosphate 25 mmol/L Quy cách: 4*50ml + STD: 1*4ml/hộp	850.250	18.705.500
25	HC25	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP trong máu kèm chất hiệu chuẩn	Hộp	35	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng CRP trong máu. Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch tăng cường Latex. Độ tuyến tính lên đến: 200mg/L. Bước sóng: 570/800 nm. Thành phần: Glycine buffer; Latex suspension coated with anti-CRP antibodies. (rabbit polyclonal antibody); Calibrator: CRP calibrator concentration as on vial label. Quy cách: 2x24ml + 2x8ml + Calibrator: 2ml /hộp.	3.087.500	108.062.500
26	HC26	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea trong máu	Hộp	20	Hóa chất dùng trong xét nghiệm định lượng Urea trong máu. Phương pháp: Urease / GLDH. Độ tuyến tính lên đến 300 mg/dL. Bước sóng: 340 nm. Thành phần: Tris Buffer (pH 7.60) 100 mmol/L; ADP 0.7 mmol/L; a-ketoglutarate 9.0 mmol/L; Urease > 6500 U/L; GLDH > 1100 U/; NADH 0.25 mmol/L; 2-Oxoglutarate 5 mmol/L Quy cách: 2*100 + 2*25ml + STD: 1*4ml /hộp. HSD: ≥ 6 tháng	1.185.600	23.712.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
27	HC27	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen trong đông máu	Hộp	25	Hóa chất dùng để xác định nồng độ Fibrinogen (FIB) trong huyết tương người. Nguyên lý: phương pháp đông máu Clauss, khi có mặt lượng thrombin dư thừa, thời gian đông máu của mẫu huyết tương đã pha loãng tỷ lệ nghịch với nồng độ fibrinogen (theo thang đo log-log). Thời gian đông máu được đo trên thiết bị bằng phương pháp đo độ đục quang học (nephelometry), và nồng độ fibrinogen được xác định từ đường chuẩn.Thành phần: Sodium citrate anticoagulated plasma. Thành phần: R1: Thuốc thử FIB: Thrombin bò, chất ổn định; R2: Dung dịch đệm Imidazole: imidazole; R3: Huyết tương chuẩn FIB: Fibrinogen, chất ổn định. Bảo quản ở 2-8°C, tuyệt đối không đông đá. Hạn sử dụng 12 tháng. Sau khi mở nắp, hóa chất cực kỳ ổn định lên tới 30 ngày (ở 2-8°C). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: R1: 2 mL×5, R2: 100 mL×1, R3: 1mL×1;	1.798.200	44.955.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
28	HC28	Hóa chất xét nghiệm PT trong đông máu	Hộp	15	Hóa chất dùng để xác định Thời gian Prothrombin (PT) của huyết tương người. Nguyên lý: Huyết tương bệnh nhân được thêm tissue thromboplastin và Canxi để kích hoạt con đường đông máu ngoại sinh, chuyển hóa fibrinogen thành fibrin. Thời gian đông máu được máy đo bằng phương pháp đo độ đục quang học (optical nephelometry method). Thành phần: R1: Thromboplastin chiết xuất từ não thỏ (Rabbit thromboplastin); R2: Dung dịch hoàn nguyên (Buffer). Bảo quản ở 2-8°C, tuyệt đối không đông đá. Hạn sử dụng 24 tháng. Sau khi hoàn nguyên, hóa chất ổn định trong 7 ngày ở 2-8°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Quy cách: 2 mL×10	2.369.400	35.541.000
29	HC29	Nước rửa đậm đặc trong việc rửa hệ thống thiết bị máy sinh hóa	Can	90	Dung dịch đậm đặc dùng trong việc rửa hệ thống thiết bị máy sinh hóa (làm sạch kim hút mẫu và hóa chất, thanh trộn và cuvette) Thành phần: Potassium Hydroxide (KOH), Nonionic, Surfactans, Polyanionic Surfactans, Bufers and Stabilizers…. Quy cách: 2L /Can. HSD: ≥ 6 tháng	2.600.000	234.000.000
30	HC30	Que thử nước tiểu 11 thông số	Hộp	200	Que thử nước tiểu 11 thông số dùng để định tính và bán định lượng các thông số nước tiểu: Urobilinogen, Bilirubin, Ketone (acetoacetic acid), Máu, Protein, Nitrite, Leukocytes, Glucose, tỷ trọng, pH và ascorbic acid	427.500	85.500.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
31	HC31	Thuốc thử xét nghiệm APTT	Hộp	6	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1: Hóa chất aPTT-EL (6x10ml): Cephalin não thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; Độ ổn định 14 ngày ở 2-8°C, 7 ngày ở 20-25°C. Quy cách: 6x10ml/Hộp	10.799.000	64.794.000
32	HC32	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP	Hộp	8	Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.5-1210 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng AFP trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng AFP – alkaline phosphatase trong đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS có chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp	3.780.000	30.240.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
33	HC33	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA125	Hộp	8	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 125 (CA125) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1-5000 U / mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA125 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA125 - alkaline phosphatase trong bộ đệm PBS với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp	5.796.000	46.368.000
34	HC34	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA15-3	Hộp	8	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 15-3 (CA15-3) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1.0-500 U/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA15-3 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA15-3 -alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp	7.812.000	62.496.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
35	HC35	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA19-9	Hộp	9	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carbohydrate 19-9 (CA19-9) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1.0-2000 U/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA 19-9 trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CA 19-9-alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp	7.812.000	70.308.000
36	HC36	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA72-4	Hộp	8	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 72-4 (CA72-4) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch 2 điểm * Dải báo cáo: 0.2-300 U/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ kháng thể đơn dòng kháng CA72-4 (CC49) trong đệm TRIS có chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng CA72-4 (B72.3) - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp	7.720.000	61.760.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
37	HC37	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA	Hộp	9	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.2-1000 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CEA trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chống CEA (chuột) - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp	4500000	40.500.000
38	HC38	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Hộp	30	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01%. Khi được bảo quản ở 2-8 °C, lọ chưa mở sẽ ổn định cho đến hết hạn sử dụng. Sau hoàn nguyên hóa chất ổn định 7 ngày ở 2-8°C. Quy cách: 5x2ml/hộp	3.848.000	115.440.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
39	HC39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.3-6.0 ng/dL *Thành phần: - Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm TRIS cùng chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 - alkaline phosphatase trong đệm MES cùng chất bảo quản. - Rc: T4 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp	3.528.000	21.168.000
40	HC40	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	Hộp	12	Pack EasyLyte Na / K / Cl Solutions Pack sử dụng để xác định định lượng Natri (Na +), Kali (K +) và Clorua (Cl−) trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu người bằng Máy xét nghiệm điện giải EasyLyte plus. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl−; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl−; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container Quy cách: 800ml/hộp	9.600.000	115.200.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
41	HC41	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Procalcitonin	Hộp	3	Hóa chất xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0.02-100 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT trong đệm TRIS có chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	24.513.000	73.539.000
42	HC42	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần	Hộp	8	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (PSA toàn phần, t-PSA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.008-100 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng PSA trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng PSA (chuột)- alkaline phosphatase trong đệm PBS với chất bảo quản Quy cách: 2*50 Test/hộp	5.796.000	46.368.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
43	HC43	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.2 ng/mL-8.0 ng/mL *Thành phần: - Ra: Vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm HEPES với chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T3 - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản - Rc: T3 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản - Rd: 8-Anilino-1-Napthalenesulfonic Acid (ANS) rong đệm MES với chất bảo quản Quy cách: 2*50 Test/hộp	4.284.000	25.704.000
44	HC44	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu mức bất thường	Hộp	1	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .	3.276.000	3.276.000
45	HC45	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm đông máu mức bình thường	Hộp	1	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01% .	2.838.000	2.838.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
46	HC46	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	Hộp	6	Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.005-100 µIU /mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH trong đệm MES với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể kháng TSH - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản Quy cách: 2*50 Test/hộp	3.520.000	21.120.000
47	HC47	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β-HCG	Hộp	4	Hóa chất xét nghiệm định lượng tổng số β human chorionic gonadotropin (Total β HCG) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.5-5000 mIU/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng β HCG trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng βHCG – alkaline phosphatase trong bộ đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS có chất bảo quản. Quy cách: 2*50 Test/hộp	4.600.000	18.400.000

TT	Mã HH	Tên thiết bị, vật tư y tế	Đơn vị tính	Khối lượng	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền kế hoạch (VNĐ)
48	HC48	Thuốc thử xét nghiệm Prothrombin Time(PT)	Hộp	9	Dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT-SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01% - Đệm CaCl2, Sodium azide < 0,01% Độ ổn định: 12 ngày ở 2-8°C, 1 ngày ở 20-25°C. Quy cách: 6x10ml/Hộp	10.128.000	91.152.000
49	HC49	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Hộp	12	Dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo trên máy xét nghiệm đông máu. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần - Buffered Salt Solution - Imidazole 0.1mol/l - HCl 0.1mol/l - Detergent 0.02%"	1.872.000	22.464.000
Tổng cộng: 49 khoản							**1.958.969.572**